

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



NỘI DUNG

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 58

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ-TTG ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ-UBND ngày 11/8/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 33 ngày 01/06/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.200.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm tỷ đồng chẵn), được chia thành 220.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ghi chú</u>
- Ông Nguyễn Thái Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
- Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/05/2023
- Ông Vũ Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/05/2023
- Bà Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên	
- Bà Trần Huệ Linh	Thành viên	

Thành viên Ban Tổng giám đốc của Tổng Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Vũ Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
- Bà Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng giám đốc
- Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
- Bà Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Trọng Hiện	Thành viên Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là Công ty thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Tổng Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam,

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc



VŨ THANH SƠN

Số: 43 /2023/ BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2023, được trình bày từ trang 07 đến trang 58 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của các Công ty mà Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần đầu tư vào đơn vị khác bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra và Liên danh Trung tâm Thương mại Ngã Tư Sở để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào

đơn vị khác (nếu có). Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề ghi trên "Cơ sở kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam *NS*



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2023-242-1*

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a – DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.305.320.703.706	1.010.893.596.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	53.098.446.376	32.437.244.500
1. Tiền	111		32.198.446.376	31.737.244.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.900.000.000	700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.14	800.000.000	400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		800.000.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.174.921.455.981	880.420.139.899
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	267.290.667.883	246.609.214.479
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	338.071.992.437	352.831.683.627
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	171.467.822.067	171.467.822.067
4. Các khoản phải thu khác	136	5.7	394.348.837.813	105.769.283.945
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.5	(2.768.045.856)	(2.768.045.856)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	6.510.181.637	6.510.181.637
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	27.544.970.753	48.190.075.753
1. Hàng tồn kho	141		27.544.970.753	48.190.075.753
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.955.830.596	49.446.136.401
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	18.628.685.576	18.739.206.032
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.340.083.499	14.677.066.419
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.19	15.987.061.521	16.029.863.950
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.930.336.671.225	1.939.885.870.961
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.075.581.277	10.496.632.671
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	7.992.469.059	9.382.025.188
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	1.179.447.600	1.210.942.865
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(96.335.382)	(96.335.382)
II. Tài sản cố định	220		564.917.961.884	577.991.811.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	518.620.586.983	531.526.879.620
- Nguyên giá	222		784.350.936.638	787.251.720.105
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(265.730.349.655)	(255.724.840.485)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	46.297.374.901	46.464.931.825
- Nguyên giá	228		49.667.723.114	49.827.523.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.370.348.213)	(3.362.591.289)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	100.017.165.433	101.854.083.199
- Nguyên giá	231		131.527.016.822	131.527.016.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.509.851.389)	(29.672.933.623)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu số B 01 – DN/HN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		784.352.691.761	767.266.623.559
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	5.10	525.557.887.558	510.188.370.115
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	258.794.804.203	257.078.253.444
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	203.493.078.197	199.387.619.291
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		138.484.381.093	134.378.922.187
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.303.697.104	66.303.697.104
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.295.000.000)	(1.295.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		268.480.192.673	282.889.100.796
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	233.627.950.794	245.789.032.615
2. Lợi thế thương mại	269		34.852.241.879	37.100.068.181
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.235.657.374.931	2.950.779.467.514

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a – DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		994.614.937.273	687.030.835.425
I. Nợ ngắn hạn	310		715.060.978.429	315.691.828.830
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	27.156.166.466	28.414.018.017
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	3.093.636.304	2.619.328.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.19	4.413.544.639	1.201.931.415
4. Phải trả người lao động	314		3.927.747.397	4.149.064.828
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	21.061.001.859	9.076.008.184
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	16.880.156.002	12.919.037.462
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	27.434.274.161	15.690.269.738
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	609.686.348.170	240.174.817.274
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		466.524.003	466.524.003
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		941.579.428	980.829.428
II. Nợ dài hạn	330		279.553.958.844	371.339.006.595
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.16	24.165.721.804	29.053.420.249
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	100.389.350.264	102.298.560.518
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	19.462.639.365	15.308.027.365
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	135.499.244.001	224.641.995.053
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		37.003.410	37.003.410
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.241.042.437.658	2.263.748.632.089
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.22	2.241.042.437.658	2.263.748.632.089
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		315.664.802	315.664.802
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(529.920.000)	(529.920.000)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		16.834.960.235	16.834.960.235
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.437.085.252	33.437.085.252
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.572.162	27.572.162
7. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(28.575.718.759)	(6.192.455.807)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.142.165.046)	6.386.952.577
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(22.433.553.713)	(12.579.408.384)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.532.793.966	19.855.725.445
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.235.657.374.931	2.950.779.467.514

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VU THANH SƠN

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a – DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	202.122.271.278	208.636.496.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.754.555	20.423.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		202.118.516.723	208.616.073.876
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	147.083.705.506	157.219.792.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.034.811.217	51.396.280.882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	20.279.762.354	24.854.447.635
7. Chi phí tài chính	22	6.5	33.909.593.764	22.652.552.766
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.128.420.321	21.954.199.235
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.105.458.906	2.357.156.232
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	22.159.051.527	26.846.992.113
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	46.880.626.973	42.185.629.665
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(23.529.239.787)	(13.077.289.795)
12. Thu nhập khác	31	6.6	1.895.719.818	3.836.430.897
13. Chi phí khác	32	6.7	662.851.601	273.485.663
14. Lợi nhuận khác	40		1.232.868.217	3.562.945.234
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.296.371.570)	(9.514.344.561)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	137.182.143	120.750.607
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(22.433.553.713)	(9.635.095.168)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(22.319.073.305)	(9.504.530.129)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(114.480.408)	(130.656.039)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(101,47)	(43,21)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	(101,47)	(43,21)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a – DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(22.296.371.570)	(9.514.344.561)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		15.410.089.966	13.150.183.660
- Các khoản dự phòng	03		-	49.254.618
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(586.122.323)	(111.248.600)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.459.818.268)	(23.230.723.097)
- Chi phí lãi vay	06		33.128.420.321	21.954.199.235
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.196.198.126	2.297.321.255
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.680.637.483)	(7.810.625.461)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.799.905.000	(20.522.513.895)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.410.510.759	(60.296.835.914)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.271.602.277	3.398.445.896
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.469.600.192)	(19.961.181.124)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(78.221.159)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(54.832.280)	(255.657.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.394.925.048	(103.151.046.743)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.932.433.641)	(17.394.185.157)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		110.000.000	1.148.934.261
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(250.800.000.000)	(41.812.200.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		400.000.000	113.797.166.589
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.957.310.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20.000.000	5.607.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.204.517.506	19.304.396.161
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(261.997.916.135)	78.694.301.854

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03a- DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu,				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		495.858.411.267	142.634.142.258
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(215.489.631.423)	(138.800.858.946)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(154.800.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		280.213.979.844	3.833.283.312
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		20.610.988.757	(20.623.461.577)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.437.244.500	55.469.027.028
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		50.213.119	37.271.936
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		53.098.446.376	34.882.837.387

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần, (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 129/2004/QĐ – TTg ngày 14/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 125/2004/QĐ – UBND ngày 11/08/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 33 ngày 01/06/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất của Tổng Công ty đến ngày 31/12/2022 là 2.200.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm tỷ đồng), tương đương 220.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phần của Tổng công ty đang đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM. Mã cổ phiếu là: HTM.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất giày dép; Sản xuất đường;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ dịch vụ thiết kế công trình); Hoạt động Tổng Công ty nắm giữ tài sản; Dịch vụ đóng gói; Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý; Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn gạo; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết:
 - Bán buôn phân bón;
 - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
 - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;
 - Bán buôn cao su;
 - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;
 - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
 - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia);
- Bán buôn tổng hợp; Bán mô tô, xe máy; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào, chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa, chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh buôn bán tổng hợp, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:**Tổng Công ty có các Công ty con gồm:**

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ vốn sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	83,42%	83,42%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Rượu Hapro	54,58%	54,58%	KCN Hapro - Lệ Chi - Gia Lâm - Hà Nội
3	Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro	52,50%	52,50%	Số 11B - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa	59,88%	59,88%	Tầng 1, nhà D2 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương	54,13%	54,13%	Số 150, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
6	Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước	83,69%	83,69%	Tổ 4, Ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

(1) Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105384642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2011, thay đổi lần thứ 09 ngày 02 tháng 7 năm 2021.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 61.591.000.000 đồng (Sáu mươi một tỷ năm trăm chín mươi một triệu đồng), được chia thành 6.159.100 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

(2) Công ty Cổ phần Rượu Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 06 năm 2020.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 32.978.600.000 đồng (*Ba mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*), được chia thành 3.297.860 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102333368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104175117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 14 ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 17.035.000.000 đồng (*Mười bảy tỷ không trăm ba lăm triệu đồng*), được chia thành 1.703.500 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(5) Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800009770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.250.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), được chia thành 22.500 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

(6) Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước là là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801099028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*), được chia thành 6.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng Công ty có các Công ty liên kết gồm:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19%	31,19%	Số 47, Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	30,00%	30,00%	Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
3	Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng	40,00%	40,00%	Số 5C/1, tổ 8, khu phố 1A, Phường An Phú, TX Thuận An, Bình Dương
4	Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	26,77%	Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống – quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	30,94%	30,94%	Số 561, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

6	Công ty TNHH Cao Ốc Á Châu	40,00%	40,00%	Số 6 phố Nhà Thờ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30,00%	30,00%	Số 11B Tràng Thi - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm
8	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00%	40,00%	Phòng 1602 VP3 - Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội	42,38%	42,38%	Số 210 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	30,00%	30,00%	Chợ Bưởi - Phường Bưởi - Tây Hồ - Hà Nội
11	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	20,00%	20,00%	Số 24 - 26 Trần Nhật Duật - Hoàn Kiếm - Hà Nội
12	Công ty Cổ phần Thủy Tạ	30,00%	30,00%	Số 1-6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ	30,00%	30,00%	Số 1-6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
14	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia Cầm	42,33%	42,33%	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lê Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội
15	Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	25,5%	25,5%	Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	20,00%	20,00%	Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống – quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

(1) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 07 ngày 18 tháng 04 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 24.800.000.000 đồng (*Hai mươi tư tỷ tám trăm triệu đồng*), được chia thành 248.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

(2) Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800889229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 12 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701669394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Thông tin Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105702077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 11 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(5) Công ty Cổ phần Thương mại – Đầu tư Long Biên là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(6) Công ty TNHH Cao ốc Á Châu là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100145961 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 03 ngày 14 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 12.636.225.000 đồng (*Mười hai tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

(7) Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107528836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(8) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102048258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*), được chia thành 600.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(9) Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(10) Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Dịch vụ chợ Bưởi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137243 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 03 năm 2023.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(11) Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 145.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 14.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(12) Công ty Cổ phần Thủy Tạ là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 06 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(13) Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109987899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào 06 tháng 05 năm 2022, thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ kinh doanh là 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(14) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102144804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.250.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), được chia thành 4.725.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(15) Công ty Cổ phần Phân phối Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104600241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(16) Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102544224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc	Tầng 6, Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống – quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Trung tâm kinh doanh hàng miễn thuế	C4 – Giảng Võ – Hà Nội
3	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm kinh doanh Siêu thị Hapromart	Tầng 6, Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống – quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long	Hải Bối – Đông Anh – Hà Nội
5	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam	Đền Lừ - Hoàng Mai – Hà Nội
6	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu	Tổ 47 – Đông Anh – Hà Nội
7	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh	77 – 79 – Phó Đức Chính – quận 1 – Hồ Chí Minh
8	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình	Thượng Đình – Thanh Xuân – Hà Nội

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

9	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp	Tổ 10 - Ấp Tân Thuận B – Tân Dương – Lai Vung – Đồng Tháp
10	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Hưng Yên	Tổ dân phố Trại – Phường Dị Sử - Thị xã Mỹ Hào – Tỉnh Hưng Yên

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính không: Không.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2023: 408 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (Công ty mẹ), và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất với Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

(i) Có thời hạn thu hồi vốn trên 90 ngày và dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

(ii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho”, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 20 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty như sau:

Phần mềm máy tính	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

4.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là bất động sản do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua vào bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương đương với các tài sản cố định cùng loại.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng dở dang là chi phí đầu tư các công trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Tổng Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

4.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (cụ thể: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (cụ thể: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

4.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).

Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo. Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4.17. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ kế toán. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

4.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá trị khối lượng xây lắp bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.19. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, khấu hao tài sản cố định, thuế, phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Tổng Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.20. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ thông thường của Tổng Công ty là 5%, 8% và 10%.

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu là 0%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.24. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục thuyết minh số 8.5.

4.25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Bán buôn, bán lẻ hàng hoá, thành phẩm, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

Khu vực địa lý:

Hoạt động của Tổng Công ty được phân bổ chủ yếu tại miền Bắc và miền Nam.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	3.572.708.304	3.220.408.742
Tiền gửi ngân hàng	28.625.738.072	25.495.535.799
Tiền đang chuyển	-	3.021.299.959
Các khoản tương đương tiền (*)	20.900.000.000	700.000.000
Cộng	53.098.446.376	32.437.244.500

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023	01/01/2023
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	267.290.667.883	246.609.214.479
Công ty Cổ phần Phân Phối Hapro	33.975.859.587	33.367.270.029
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	75.780.737.688	73.037.682.371
Phải thu đối tượng khác	157.534.070.608	140.204.262.079
b) Phải thu khách hàng dài hạn	7.992.469.059	9.382.025.188
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	1.346.186.666	1.346.186.666
Công ty TNHH Dũng Thủy	2.227.488.345	2.227.488.345
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	1.745.750.385	1.745.750.385
Công ty Cổ phần Vinh Gia Lương	1.016.249.040	1.016.249.040
Công ty CP quốc tế Hà An	1.009.652.400	1.009.652.400
Đối tượng khác	647.142.223	2.036.698.352
Cộng	275.283.136.942	255.991.239.667

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại 8.5)

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023	01/01/2023
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	338.071.992.437	352.831.683.627
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Phúc An	116.686.935.911	130.496.287.381
Công ty TNHH MTV NS Hồng Thiên Phát	31.307.345.324	33.096.646.255
Trả trước khách hàng khác	190.077.711.202	189.238.749.991
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	338.071.992.437	352.831.683.627

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại 8.5)

5.4 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	14.875.954.359	14.875.954.359
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	24.980.266.000	24.980.266.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng TM Hà Nội	67.049.401.708	67.049.401.708
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	41.812.200.000	41.812.200.000
Đối tượng khác	22.750.000.000	22.750.000.000
Cộng	171.467.822.067	171.467.822.067

Phải thu về cho vay là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5.5 . NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Hà Nội	84.467.075	-	(84.467.075)	84.467.075	-	(84.467.075)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Việt Hà	192.433.666	-	(192.433.666)	192.433.666	-	(192.433.666)
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Thái Bình	69.156.640	-	(69.156.640)	69.156.640	-	(69.156.640)
Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu An Lạc	20.034.401	-	(20.034.401)	20.034.401	-	(20.034.401)
Trường mầm non tư thục Hoàng Gia	476.649.141	-	(476.649.141)	476.649.141	-	(476.649.141)
Công ty TNHH VAC	1.047.776.190	-	(1.047.776.190)	1.047.776.190	-	(1.047.776.190)
Chi nhánh Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội tại Hải Dương	184.336.628	-	(184.336.628)	184.336.628	-	(184.336.628)
Công ty Cổ phần Du lịch Nam Định	63.720.000	-	(63.720.000)	63.720.000	-	(63.720.000)
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Thanh Thảo	96.601.815	-	(96.601.815)	96.601.815	-	(96.601.815)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường An	100.500.027	-	(100.500.027)	100.500.027	-	(100.500.027)
Đối tượng khác	432.370.273	-	(432.370.273)	432.370.273	-	(432.370.273)
Cộng	2.768.045.856	-	(2.768.045.856)	2.768.045.856	-	(2.768.045.856)

b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các đối tượng khác	96.335.382	-	(96.335.382)	96.335.382	-	(96.335.382)
Cộng	96.335.382	-	(96.335.382)	96.335.382	-	(96.335.382)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

5.6 HÀNG TỒN KHO	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	3.530.891.282	-	17.001.740.165	-
Công cụ, dụng cụ	13.090.441	-	17.976.208	-
Chi phí SXKD dở dang	1.095.028.408	-	1.173.789.946	-
Thành phẩm nhập kho	685.214.795	-	111.537.677	-
Hàng hóa	20.991.541.698	-	28.671.849.938	-
Hàng hóa bất động sản	1.210.933.333	-	1.210.933.333	-
Hàng gửi bán	18.270.796	-	2.248.486	-
Cộng	27.544.970.753	-	48.190.075.753	-
5.7 PHẢI THU KHÁC	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	394.348.837.813	-	105.769.283.945	-
Tạm ứng	24.099.556.652	-	14.305.241.559	-
Phải thu khác	370.249.281.161	-	91.464.042.386	-
+ Sở Tài chính Hà Nội	38.508.516.474	-	38.508.516.474	-
+ Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	257.917.808.219	-	-	-
+ Đối tượng khác	73.822.956.468	-	52.955.525.912	-
b) Dài hạn	1.179.447.600	-	1.210.942.865	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.179.447.600	-	1.160.542.865	-
Phải thu khác	-	-	50.400.000	-
5.8 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị		Giá trị	
Hàng tồn kho	6.510.181.637		6.510.181.637	
Cộng	6.510.181.637		6.510.181.637	
5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	30/06/2023		01/01/2023	
a) Ngắn hạn	18.628.685.576		18.739.206.032	
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác	18.628.685.576		18.739.206.032	
b) Dài hạn	233.627.950.794		245.789.032.615	
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác	218.093.359.130		228.699.253.803	
Chi phí thương hiệu	15.534.591.664		17.089.778.812	
Cộng	252.256.636.370		264.528.238.647	

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

5.10 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án khu nhà ở và khu phụ trợ Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	525.557.887.558	525.557.887.558	510.188.370.115	510.188.370.115
Cộng	525.557.887.558	525.557.887.558	510.188.370.115	510.188.370.115

b) Xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2023	01/01/2023
+ Dự án Trung tâm Phân phối và Mua sắm Hà Nội	65.645.436.251	65.540.028.746
+ Dự án Chợ đầu mối phía Nam mở rộng	132.065.142.962	132.065.142.962
+ Dự án Trung tâm thương mại và Dịch vụ Hapro Thượng Đình	26.901.209.130	26.109.020.847
+ Xây dựng cơ bản khác	34.183.015.860	33.364.060.889
Cộng	258.794.804.203	257.078.253.444

5.11 TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	131.527.016.822	-	-	131.527.016.822
Nhà	97.669.924.568	-	-	97.669.924.568
Cơ sở hạ tầng	33.857.092.254	-	-	33.857.092.254
Giá trị hao mòn lũy kế	29.672.933.623	1.836.917.766	-	31.509.851.389
Nhà	15.455.862.407	1.374.024.384	-	16.829.886.791
Cơ sở hạ tầng	14.217.071.216	462.893.382	-	14.679.964.598
Giá trị còn lại	101.854.083.199	-	1.836.917.766	100.017.165.433
Nhà	82.214.062.161	-	1.374.024.384	80.840.037.777
Cơ sở hạ tầng	19.640.021.038	-	462.893.382	19.177.127.656

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm tiền vay: 49.332.207.643 VND
- Nguyên giá BĐS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn nắm giữ cho thuê hoặc chờ tăng giá: 0 VND

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	727.217.260.570	41.203.705.482	10.481.913.862	3.224.920.378	5.123.919.813	787.251.720.105
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	1.484.625.001	1.416.158.466	-	-	-	2.900.783.467
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.416.158.466	-	-	-	1.416.158.466
- Giảm khác	1.484.625.001	-	-	-	-	1.484.625.001
Số dư cuối kỳ	725.732.635.569	39.787.547.016	10.481.913.862	3.224.920.378	5.123.919.813	784.350.936.638
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	228.568.617.246	15.750.497.359	7.891.243.689	2.064.468.430	1.450.013.761	255.724.840.485
Tăng trong kỳ	10.717.578.900	541.773.809	257.203.476	100.161.188	18.288.528	11.635.005.901
- Số khấu hao trong kỳ	10.717.578.900	541.773.809	257.203.476	100.161.188	18.288.528	11.635.005.901
Giảm trong kỳ	882.640.553	746.856.178	-	-	-	1.629.496.731
- Thanh lý, nhượng bán	-	746.856.178	-	-	-	746.856.178
- Giảm khác	882.640.553	-	-	-	-	882.640.553
Số dư cuối kỳ	238.403.555.593	15.545.414.990	8.148.447.165	2.164.629.618	1.468.302.289	265.730.349.655
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	498.648.643.324	25.453.208.123	2.590.670.173	1.160.451.948	3.673.906.052	531.526.879.620
2. Tại ngày cuối kỳ	487.329.079.976	24.242.132.026	2.333.466.697	1.060.290.760	3.655.617.524	518.620.586.983
• Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng					40.338.893.620 VND	
• Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng cầm cố thế chấp khoản vay:					978.525.982 VND	

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5.13 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	45.845.913.581	3.949.109.533	32.500.000	49.827.523.114
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	159.800.000	-	159.800.000
- Giảm khác	-	159.800.000	-	159.800.000
Số dư cuối kỳ	45.845.913.581	3.789.309.533	32.500.000	49.667.723.114
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	3.330.091.289	32.500.000	3.362.591.289
Tăng trong kỳ	-	133.890.244	-	133.890.244
- Số khấu hao trong kỳ	-	133.890.244	-	133.890.244
Giảm trong kỳ	-	126.133.320	-	126.133.320
- Giảm khác	-	126.133.320	-	126.133.320
Số dư cuối kỳ	-	3.337.848.213	32.500.000	3.370.348.213
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	45.845.913.581	619.018.244	-	46.464.931.825
2. Tại ngày cuối kỳ	45.845.913.581	451.461.320	-	46.297.374.901

• Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo khoản vay: 2.797.236.000 đồng.

• Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.966.964.050 đồng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**a1) Ngắn hạn**

Tiền gửi ngân hàng TMCP Đông Nam Á (*)

Cộng

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng TMCP Đông Nam Á (*)	800.000.000	800.000.000	400.000.000	400.000.000
Cộng	800.000.000	800.000.000	400.000.000	400.000.000

(*) - Hợp đồng tiền gửi số 20230227/003/002 ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội; kỳ hạn 6 tháng; số tiền 200.000.000 VND; lãi suất 7,4%.

- Hợp đồng tiền gửi số 20230227/003/001 ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội; kỳ hạn 6 tháng; số tiền 200.000.000 VND; lãi suất 7,5%.

- Hợp đồng tiền gửi số 20230223/003/001 ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội; kỳ hạn 6 tháng; số tiền 400.000.000 VND; lãi suất 7,5%.

b) Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu

Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng

Công ty Cổ phần Thông tin Hapro

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên

Công ty TNHH Cao ốc Á Châu

	30/06/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	30%	16.005.606.914	30%	16.067.359.336
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19%	9.816.542.298	31,19%	9.474.512.817
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	42,33%	4.290.145.696	42,33%	4.278.040.614
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	20,00%	7.926.085.925	20,00%	7.917.448.232
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng	40,00%	-	40,00%	-
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	983.789.728	26,77%	1.018.040.953
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	30,94%	13.626.902.811	30,94%	12.528.678.065
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	40,00%	21.119.465.843	40,00%	19.600.597.612

TÓNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**b) Đầu tư vào các công ty liên kết**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	42,38%	22.008.452.589	42,38%	21.631.277.184
Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30,00%	2.446.878.923	30,00%	2.511.404.500
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	30,00%	19.121.286.759	30,00%	16.668.794.614
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ	30,00%	393.359.241		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	30,00%	4.225.204.631	30,00%	4.236.761.985
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	20,00%	16.520.659.735	20,00%	18.446.006.275
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00%	-	40,00%	-
Công ty Cổ phần phân phối Hapro	25,50%	-	25,50%	-
Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro			20,00%	-
Cộng		138.484.381.093		134.378.922.187

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**c) Đầu tư vào đơn vị khác**

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	-	-	(*)	-	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	16.506.975.469	-	(*)	16.506.975.469	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	(1.295.000.000)	(*)	1.295.000.000	(1.295.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	780.000.000	-	(*)	780.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu	22.973.117.966	-	(*)	22.973.117.966	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	1.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền	10.065.485.897	-	(*)	10.065.485.897	-	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	5.818.871.221	-	(*)	5.818.871.221	-	(*)
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	-	(*)	5.550.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	2.014.246.551	-	(*)	2.014.246.551	-	(*)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà	-	-	(*)	-	-	(*)
Đối tượng khác	300.000.000	-	(*)	300.000.000	-	(*)
Cộng	66.303.697.104	(1.295.000.000)	(*)	66.303.697.104	(1.295.000.000)	(*)

(*) Xem Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc số 8.3 (iv) - Giá trị hợp lý

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)**Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:**

	30/06/2023			01/01/2023		
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	-	2,67%	2,67%	-	3,30%	3,30%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	16.506.975.469	15%	15%	16.506.975.469	15%	15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	6,11%	6,11%	1.295.000.000	6,11%	6,11%
Công ty Cổ phần Sửa Hà Nội	780.000.000	0,50%	0,50%	780.000.000	0,50%	0,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	22.973.117.966	3,20%	3,20%	22.973.117.966	3,20%	3,20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	1.000.000.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000	10,00%	10,00%
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền	10.065.485.897	10,00%	10,00%	10.065.485.897	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	5.818.871.221	6,00%	6,00%	5.818.871.221	6,00%	6,00%
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	-	-	5.550.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	2.014.246.551	5,00%	5,00%	2.014.246.551	5,00%	5,00%
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	-	5,00%	5,00%	-	5,00%	5,00%
Đối tượng khác	300.000.000	0,25%	0,25%	300.000.000	0,25%	0,25%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

5.15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	27.156.166.466	27.156.166.466	28.414.018.017	28.414.018.017
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	5.045.419.663	5.045.419.663	5.045.419.663	5.045.419.663
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	1.124.735.178	1.124.735.178	1.092.074.043	1.092.074.043
Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu và Bán lẻ hàng tiêu dùng Hà Nội	1.094.088.559	1.094.088.559	1.000.751.093	1.000.751.093
Đối tượng khác	19.891.923.066	19.891.923.066	21.275.773.218	21.275.773.218
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	27.156.166.466	27.156.166.466	28.414.018.017	28.414.018.017

c) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)

5.16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.093.636.304	3.093.636.304	2.619.328.481	2.619.328.481
Best foods	116.367.281	116.367.281	116.367.281	116.367.281
Veles LLC	202.811.720	202.811.720	-	-
Foodsnab LLC	162.186.566	162.186.566	162.186.566	162.186.566
Bozkus Ic Ve Dis Ticaret Limit	353.834.400	353.834.400	353.834.400	353.834.400
Siigma Distributors	479.536.328	479.536.328	479.536.328	479.536.328
Các đối tượng khác	2.260.265.576	2.260.265.576	1.785.957.753	1.785.957.753
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	24.165.721.804	24.165.721.804	29.053.420.249	29.053.420.249
Vũ Thị Thanh Mai	2.164.296.032	2.164.296.032	2.164.296.032	2.164.296.032
Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	2.538.975.103	2.538.975.103	2.538.975.103	2.538.975.103
Các đối tượng khác	19.462.450.669	19.462.450.669	24.350.149.114	24.350.149.114
Cộng	27.259.358.108	27.259.358.108	31.672.748.730	31.672.748.730

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)

5.17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí phải trả	21.061.001.859	9.076.008.184
Cộng	21.061.001.859	9.076.008.184

5.18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn	16.880.156.002	12.919.037.462
Doanh thu nhận trước	16.880.156.002	12.919.037.462
b) Dài hạn	100.389.350.264	102.298.560.518
Doanh thu nhận trước	100.389.350.264	102.298.560.518
Cộng	117.269.506.266	115.217.597.980

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

5.19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế GTGT	934.578.922	6.536.640.493	3.459.901.108	4.011.318.307
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.160.684	64.257.974	71.624.884	1.793.774
Thuế xuất, nhập khẩu	-	79.269.312	79.269.312	-
Thuế TNDN	33.685.587	64.846.037	42.685.587	55.846.037
Thuế TNCN	199.027.178	690.194.127	703.731.854	185.489.451
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	12.912.702	12.827.643.962	12.688.979.594	151.577.070
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	12.566.342	133.210.054	138.256.396	7.520.000
Cộng	1.201.931.415	20.396.061.959	17.184.448.735	4.413.544.639

b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế GTGT	6.001.895	-	6.001.895	-
Thuế TNDN	498.256.995	35.535.572	72.336.106	461.456.461
Thuế xuất nhập khẩu	40.000.000	-	-	40.000.000
Thuế TNCN	20.531.412	-	-	20.531.412
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	157.513.295	1.000.000	1.000.000	157.513.295
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	15.307.560.353	-	-	15.307.560.353
Cộng	16.029.863.950	36.535.572	79.338.001	15.987.061.521

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn	27.434.274.161	15.690.269.738
- Tài sản thừa chờ giải quyết	31.013.699	31.013.699
- Kinh phí công đoàn;	235.888.928	199.808.217
- Bảo hiểm xã hội;	505.353.707	493.768.222
- Bảo hiểm y tế	36.148.711	44.059.858
- Bảo hiểm thất nghiệp;	58.929.719	61.508.295
- Phải trả về cổ phần hoá;	9.637.932	9.637.932
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	712.662.600	501.612.600
- Phải thu khác	254.355.794	81.998.714
- Phải trả khác	25.590.283.071	14.266.862.201
+ Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh	6.214.849.316	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Golf Thiên Đường	5.091.780.822	3.923.835.617
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.283.652.933	10.343.026.584
b) Dài hạn	19.462.639.365	15.308.027.365
- Phải trả, phải nộp khác	2.013.000.000	2.123.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.449.639.365	13.185.027.365

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

5.21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	609.686.348.170	609.686.348.170	585.001.162.319	215.489.631.423	240.174.817.274	240.174.817.274
a1) Vay ngắn hạn	516.542.388.315	516.542.388.315	495.858.411.267	64.091.922.330	84.775.899.378	84.775.899.378
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Chi nhánh Đồng Tháp)	14.900.000.000	14.900.000.000	22.500.000.000	22.600.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội	-	-	6.399.500.000	7.397.000.000	997.500.000	997.500.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	472.500.000	472.500.000	472.500.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	2.600.619.352	2.600.619.352	8.263.068.228	12.246.608.912	6.584.160.036	6.584.160.036
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Văn phòng)	205.264.843.039	205.264.843.039	205.264.843.039	18.842.917.473	18.842.917.473	18.842.917.473
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	8.649.009.674	8.649.009.674	-	-	8.649.009.674	8.649.009.674
Vay cá nhân và nguồn vốn huy động từ các đơn vị khác	24.643.111.348	24.643.111.348	-	20.000.000	24.663.111.348	24.663.111.348
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	7.753.804.902	7.753.804.902	-	-	7.753.804.902	7.753.804.902
Công ty Cổ phần Golf Thiên đường	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2.258.500.000	2.258.500.000	2.958.500.000	2.985.395.945	2.285.395.945	2.285.395.945

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN

a) Vay dài hạn tới hạn trả	93.143.959.855	93.143.959.855	89.142.751.052	151.397.709.093	155.398.917.896	155.398.917.896
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án khu nhà ở	88.700.000.000	88.700.000.000	88.257.248.948	151.265.977.182	151.708.728.234	151.708.728.234
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	608.297.396	608.297.396	-	131.731.911	740.029.307	740.029.307
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	2.950.160.355	2.950.160.355	-	-	2.950.160.355	2.950.160.355
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án TTTM và DV Trưng Định	885.502.104	885.502.104	885.502.104			
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	135.499.244.001	135.499.244.001	346.711.528	89.489.462.580	224.641.995.053	224.641.995.053
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án khu nhà ở	88.700.000.000	88.700.000.000	-	88.603.960.476	177.303.960.476	177.303.960.476
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án TTTM và DV Trưng Định	3.099.244.001	3.099.244.001	346.711.528	885.502.104	3.638.034.577	3.638.034.577
Vay cá nhân	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000	42.000.000.000
Cộng	745.185.592.171	745.185.592.171	585.347.873.847	304.979.094.003	464.816.812.327	464.816.812.327

TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5.22 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	2.200.000.000.000	315.664.802	27.572.162	(529.920.000)	16.834.960.235	20.397.220.667	33.437.085.252	6.157.870.019	2.276.640.453.136
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	346.052.190	346.052.190
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(181.750.244)	-	(116.969.632)	(298.719.876)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(261.680.619)	-	(12.579.408.384)	(12.841.089.003)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(98.064.359)	-	-	(98.064.359)
Số dư cuối năm trước	2.200.000.000.000	315.664.802	27.572.162	(529.920.000)	16.834.960.235	19.855.725.445	33.437.085.252	(6.192.455.807)	2.263.748.632.089
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(168.002.720)	-	(15.582.280)	(183.585.000)
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	(114.480.408)	-	(22.319.073.305)	(22.433.553.713)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(40.448.351)	-	(48.607.367)	(89.055.718)
Số dư cuối kỳ	2.200.000.000.000	315.664.802	27.572.162	(529.920.000)	16.834.960.235	19.532.793.966	33.437.085.252	(28.575.718.759)	2.241.042.437.658

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

5.22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	65,00%	1.430.000.000.000	1.430.000.000.000
Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Hòa Hải (tên cũ là Công ty Cổ phần Bất động sản nghỉ dưỡng Quảng Nam)	15,80%	347.584.690.000	347.584.690.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean	5,27%	115.846.000.000	115.846.000.000
Công ty TNHH TM Ô tô Thành Công	12,68%	278.981.250.000	278.981.250.000
Các Cổ đông khác	1,25%	27.588.060.000	27.588.060.000
Tổng	100%	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	36.442.076

d) Cổ phiếu	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	220.000.000	220.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	220.000.000	220.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	220.000.000	220.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	41.400	41.400
- Cổ phiếu phổ thông	41.400	41.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	219.958.600	219.958.600
- Cổ phiếu phổ thông	219.958.600	219.958.600
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2023	01/01/2023
- Quỹ đầu tư phát triển	33.437.085.252	33.437.085.252
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	27.572.162	27.572.162

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
a) Doanh thu		
Doanh thu thành phẩm hàng hóa	125.224.541.444	139.057.335.249
Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.044.575.922	68.708.842.673
Doanh thu kinh doanh bất động sản	853.153.912	870.318.954
Cộng	202.122.271.278	208.636.496.876
6.2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Hàng bán bị trả lại	3.754.555	20.423.000
Cộng	3.754.555	20.423.000
6.3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	105.643.580.093	114.758.502.965
Giá vốn dịch vụ	40.948.652.033	41.920.578.745
Giá vốn kinh doanh bất động sản	491.473.380	540.711.284
Cộng	147.083.705.506	157.219.792.994
6.4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lãi tiền gửi, cho vay	7.422.486.892	15.463.166.250
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.873.748.044	6.889.775.195
Lãi chênh lệch tỷ giá	962.995.279	1.991.412.919
Doanh thu tài chính khác	20.532.139	510.093.271
Cộng	20.279.762.354	24.854.447.635
6.5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lãi tiền vay	33.128.420.321	21.954.199.235
Lỗ chênh lệch tỷ giá	781.156.047	698.353.531
Chi phí tài chính khác	17.396	-
Cộng	33.909.593.764	22.652.552.766

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

6.6 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Thanh lý công cụ dụng cụ	19.090.909	6.953.136
Lãi từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	367.688.381
+ <i>Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ</i>	-	1.148.934.261
+ <i>Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán</i>	-	781.245.880
Tiền phạt, tiền đền bù thu được	-	1.383.433.797
Các khoản khác	1.876.628.909	2.078.355.583
Cộng	1.895.719.818	3.836.430.897

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lỗ từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ	559.302.288	-
- <i>Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ</i>	110.000.000	-
- <i>Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán</i>	669.302.288	-
Các khoản phạt	18.252.827	56.491.596
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	2.979.034
Các khoản khác	85.296.486	214.015.033
Cộng	662.851.601	273.485.663

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	22.159.051.527	26.846.992.113
Chi phí nhân viên	7.790.202.580	6.654.781.176
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171.694.440	808.351.971
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.518.790.472	301.754.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.530.970	1.735.504.169
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.813.205.696	13.279.293.409
Chi phí khác bằng tiền	2.639.627.369	4.067.306.683
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	46.880.626.973	42.185.629.665
Chi phí nhân viên	14.220.241.191	14.488.537.944
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.837.799	100.159.591
Chi phí đồ dùng văn phòng	172.893.839	220.385.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.867.370.922	5.235.282.158
Thuế, phí và lệ phí	660.117.225	429.790.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.581.314.035	5.635.418.442
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.303.851.962	16.076.056.009
Cộng	69.039.678.500	69.032.621.778

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.534.241.897	64.090.311.000
Chi phí nhân công	26.743.626.083	27.130.939.979
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.650.924.239	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.605.813.911	9.935.482.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.386.746.804	17.933.554.400
Chi phí khác	64.625.105.574	21.137.015.081
Thuế, phí, lệ phí	704.485.584	-
Cộng	135.546.458.508	140.227.302.797

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	137.182.143	120.750.607
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	137.182.143	120.750.607

6.11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	(22.319.073.305)	(9.504.530.129)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	219.958.600	219.958.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(101,47)	(43,21)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(101,47)	(43,21)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	495.858.411.267	142.634.142.258
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	215.489.631.423	138.800.858.946

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu)**

Thông tin kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

CHỈ TIÊU	MIỀN BẮC	MIỀN NAM	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	152.842.273.490	49.279.997.788	202.122.271.278
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.754.555	-	3.754.555
Giá vốn hàng bán	118.252.973.090	28.830.732.416	147.083.705.506
Lợi nhuận gộp	34.585.545.845	20.449.265.372	55.034.811.217
Tổng tài sản			3.235.657.374.931
Nợ phải trả			994.614.937.273
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			21.278.328.684
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			29.959.156.214
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Mẫu số B 09a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MIỀN BẮC	MIỀN NAM	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	171.931.372.000	36.705.124.876	208.636.496.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	20.423.000	-	20.423.000
Giá vốn hàng bán	141.820.319.128	15.399.473.866	157.219.792.994
Lợi nhuận gộp	30.090.629.872	21.305.651.010	51.396.280.882
Tổng tài sản			2.991.534.986.388
Nợ phải trả			725.532.980.309
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			57.564.340.632
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			45.852.153.277
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

8.3.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng lĩnh vực kinh doanh như sau:

Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

CHỈ TIÊU	Bán thành phẩm, hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	125.224.541.444	76.044.575.922	853.153.912	202.122.271.278
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.754.555	-	-	3.754.555
Giá vốn hàng bán	105.643.580.093	40.948.652.033	491.473.380	147.083.705.506
Lợi nhuận gộp	19.577.206.796	35.095.923.889	361.680.532	55.034.811.217

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Bán thành phẩm hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	139.057.335.249	68.708.842.673	870.318.954	208.636.496.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	20.423.000	-	-	20.423.000
Giá vốn hàng bán	114.758.502.965	41.920.578.745	540.711.284	157.219.792.994
Lợi nhuận gộp	24.278.409.284	26.788.263.928	329.607.670	51.396.280.882

8.4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tổng Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng Công ty).

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
30/06/2023	887.005.774.139	213.959.994.856	1.100.965.768.996
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.098.446.376	-	53.098.446.376
Phải thu khách hàng	267.290.667.883	7.992.469.059	275.283.136.942
Đầu tư	800.000.000	204.788.078.197	205.588.078.197
Phải thu khác	394.348.837.813	1.179.447.600	395.528.285.413
Phải thu về cho vay	171.467.822.067	-	171.467.822.067
Trừ:	(2.768.045.856)	(1.391.335.382)	(4.159.381.238)
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.768.045.856)	(96.335.382)	(2.864.381.238)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.295.000.000)	(1.295.000.000)
Tổng cộng	884.237.728.283	212.568.659.474	1.096.806.387.758
Các khoản vay và nợ	609.686.348.170	135.499.244.001	745.185.592.171
Phải trả người bán	27.156.166.466	-	27.156.166.466
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	48.495.276.020	19.462.639.365	67.957.915.385
Tổng cộng	685.337.790.656	154.961.883.366	840.299.674.022
Chênh lệch thanh khoản thuần	198.899.937.627	57.606.776.108	256.506.713.735
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
01/01/2023	556.683.564.991	211.275.587.344	767.959.152.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.437.244.500	-	32.437.244.500
Phải thu khách hàng	246.609.214.479	9.382.025.188	255.991.239.667
Đầu tư	400.000.000	200.682.619.291	201.082.619.291
Phải thu về cho vay	171.467.822.067	-	171.467.822.067
Phải thu khác	105.769.283.945	1.210.942.865	106.980.226.810
Trừ:	(2.768.045.856)	(1.391.335.382)	(4.159.381.238)
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.768.045.856)	(96.335.382)	(2.864.381.238)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.295.000.000)	(1.295.000.000)
Tổng cộng	553.915.519.135	209.884.251.962	763.799.771.097
Các khoản vay và nợ	240.174.817.274	224.641.995.053	464.816.812.327
Phải trả người bán	28.414.018.017	-	28.414.018.017
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	24.766.277.922	15.308.027.365	40.074.305.287
Tổng cộng	293.355.113.213	239.950.022.418	533.305.135.631
Chênh lệch thanh khoản thuần	260.560.405.922	(30.065.770.456)	230.494.635.466

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ bằng giá gốc trừ các khoản dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	670.811.422.355	362.971.466.477	670.811.422.355	362.971.466.477
Phải thu về cho vay	171.467.822.067	171.467.822.067	171.467.822.067	171.467.822.067
Các khoản Đầu tư tài chính vào đơn vị khác	205.588.078.197	201.082.619.291	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.098.446.376	32.437.244.500	53.098.446.376	32.437.244.500
Tổng cộng	1.100.965.768.996	767.959.152.335	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	745.185.592.171	464.816.812.327	745.185.592.171	464.816.812.327
Phải trả người bán	27.156.166.466	28.414.018.017	27.156.166.466	28.414.018.017
Phải trả khác và chi phí phải trả	67.957.915.385	40.074.305.287	67.957.915.385	40.074.305.287
Tổng cộng	840.299.674.022	533.305.135.631	840.299.674.022	533.305.135.631

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2023 và ngày 01/01/2023. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

8.5 Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Bên liên quan

Nguyễn Thái Dũng

Vũ Thanh Sơn

Trần Anh Tuấn

Trần Thị Tuyết Nhung

Trần Huệ Linh

Dương Thị Lam

Đỗ Tuệ Tâm

Lê Anh Tuấn

Nguyễn Hồng Hải

Nguyễn Trọng Hiên

Vũ Thị Quỳnh Trang

Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu

Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm

Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng

Công ty Cổ phần ĐTTM và Dịch vụ Chợ Bưởi

Công ty Cổ phần thông tin Hapro

Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên

Công ty TNHH Cao ốc Á Châu

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội

Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi

Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ

Công ty Cổ phần Thủy Tạ

Công ty Cổ phần Phân phối Hapro

Công ty CP Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 05/05/2023)
Tổng Giám đốc

Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 05/05/2023)

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Trưởng ban Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty nhận vốn góp

Công ty nhận vốn góp

Công ty nhận vốn góp

Công ty nhận vốn góp

Công ty nhận vốn góp

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	Công ty nhận vốn góp
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tráng Tiền	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần SX Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	Công ty nhận vốn góp
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà	Công ty nhận vốn góp
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại Ô tô Thành Công	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Hòa Hải (tên cũ là Công ty Cổ phần Bất động sản nghỉ dưỡng Quảng Nam)	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Cùng công ty mẹ

Ngoài ra, các bên liên quan còn bao gồm các cá nhân có mối quan hệ vợ, chồng,... của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

b) Thu nhập trong kỳ của các thành viên trong Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Nguyễn Thái Dũng	Chủ tịch HĐQT	50.000.000	140.000.000
Vũ Thanh Sơn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 05/05/2023)	22.000.000	70.000.000
Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 05/05/2023)	22.000.000	70.000.000
Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	28.000.000	70.000.000
Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT	24.666.667	20.000.000
Vũ Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	701.617.440	691.449.560
Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng	419.073.750	419.623.750
Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng giám đốc	353.172.000	340.746.000
Lê Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	347.000.000	346.500.000
Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban Kiểm soát	28.000.000	70.000.000
Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên ban Kiểm soát	11.000.000	35.000.000
Nguyễn Trọng Hiện	Thành viên ban Kiểm soát	11.000.000	35.000.000
Cộng		2.017.529.857	2.308.319.310

c) Giao dịch với các bên liên quan**Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:**

Bên liên quan	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ, lãi cho vay.	8.094.480.513	3.621.708.337
Công ty Cổ phần Vàng Thăng Long	192.328.280	239.335.202
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	904.323.320	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	2.743.055.317	2.747.973.976
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	612.680.558	613.089.558
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	9.090.907	16.200.001

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	11.126.960	5.109.600
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	131.661.498	-
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	926.436.361	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	2.281.889.597	-
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	2.020.909	-
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	5.272.728,00	-
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	274.594.078	-
Mua hàng	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	4.374.275.993	7.812.364.609
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	942.761.833	1.376.204.226
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	2.843.974.022	5.715.957.181
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	-	7.656.984
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	-	20.537.000
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	497.665.185	564.745.500
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	17.065.420	34.389.960
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	1.446.541	-
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	3.727.000	15.938.620
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	41.156.366	76.935.138
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ	26.479.626	-
Nhận cổ tức/Lợi nhuận từ HTKD	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	11.873.748.044	6.791.910.181
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	660.000.000	785.000.000
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Trảng Tiền	3.295.939.825	2.961.692.402
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	-	2.565.507.779
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	7.917.808.219	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Toàn Cầu	-	479.710.000
Hợp tác kinh doanh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	250.000.000.000	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

d) Số dư với các bên liên quan*Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:*

Bên liên quan	30/06/2023	01/01/2023
I. Phải thu khách hàng	152.008.452.041	145.967.518.073
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	33.975.859.587	33.367.270.029
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	77.126.924.354	74.383.869.037
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	6.703.124.324	6.703.124.324
Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	5.951.973	10.021.573
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	678.461.777	558.862.575
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	20.912.944.628	19.996.285.365
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	391.926.895	847.361.782
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	6.149.257.252	3.868.487.655
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	110.819.466	110.819.466
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	26.144.381	328.021.329
II. Phải thu về cho vay ngắn hạn	148.717.822.067	148.717.822.067
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	14.875.954.359	14.875.954.359
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	67.049.401.708	67.049.401.708
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	41.812.200.000	41.812.200.000
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	24.980.266.000	24.980.266.000
III. Phải trả người bán	6.483.392.671	6.145.371.706
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	1.124.735.178	1.092.074.043
Công ty Cổ phần Phân Phối Hapro	313.237.830	7.878.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	5.045.419.663	5.045.419.663
IV. Trả trước cho người bán	55.731.888.920	58.929.337.074
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng thương mại Hà Nội	358.643.527	17.234.278
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	1.830.675.304	1.800.000.000
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	26.161.121.607	28.605.141.331
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	27.381.448.482	28.506.961.465

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

d) Số dư với các bên liên quan*Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:*

Bên liên quan	30/06/2023	01/01/2023
V. Phải thu khác	270.487.034.588	8.921.171.910
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	7.601.161.388	7.601.161.388
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	244.320.236	169.673.555
Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	835.346.568	831.471.497
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	318.865.470	318.865.470
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	257.917.808.219	-
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	2.444.019.724	-
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	1.125.512.983	-
VI. Nhận ký quỹ, ký cược	94.380.000	94.380.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	94.380.000	94.380.000
VII. Ký quỹ, ký cược	400.000	400.000
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	400.000	400.000

8.7 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam soát xét và kiểm toán.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Tổng Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đăng ủy khối Doanh nghiệp Nhà nước.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VU THANH SON